

dăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu tự nguyện thì có thể được phục vụ tại ngũ trong công an nhân dân.

2. Điều 3: Ủy ban Nhân dân, các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ vào công an nhân dân bảo đảm đúng thời gian, đủ số lượng, đúng tiêu chuẩn theo quy định. Các đơn vị công an nhân dân có chỉ tiêu tuyển quân có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ này.

3. Điều 6: Thời gian phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân như sau:

— Ba năm, đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ chuyên môn kỹ thuật do công an nhân dân đào tạo phục vụ trong bộ đội biên phòng; hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ trong các lực lượng an ninh nhân dân, cảnh sát nhân dân.

— Hai năm, đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ bộ đội biên phòng.

Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ Nội vụ được quyền kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân không quá 6 tháng so với quy định trên.

Thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân được tính từ khi có quyết định nhập ngũ, đến ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định xuất ngũ.

4. Điều 8: Hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ đủ thời hạn theo quy định tại điều 6 sửa đổi trên đây thì được xuất ngũ và hưởng chế độ xuất ngũ như hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân. Theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, người lãnh đạo, chỉ huy đơn vị từ cấp Phó Cục trưởng, Phó Giám đốc công an tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương trở lên có trách nhiệm thực hiện việc xuất ngũ cho hạ sĩ quan và chiến sĩ thuộc quyền.

Trong trường hợp không đủ điều kiện để tiếp tục phục vụ tại ngũ (sức khỏe yếu, gia đình khó khăn...) hạ sĩ quan, chiến sĩ có thể được xuất ngũ trước thời hạn. Thủ tục xuất ngũ trước thời hạn do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

Điều 2. — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thi hành cụ thể.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT

**NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 169-HĐBT ngày 25-5-1991 về công chức Nhà nước.**

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;*

*Căn cứ Nghị quyết của phiên họp Hội đồng Bộ trưởng ngày 15 tháng 3 năm 1991 và ngày 30-3-1991 về sắp xếp tổ chức và biên chế hành chính sự nghiệp;*

*Để có cơ sở tuyển chọn đúng, sử dụng có hiệu quả các công chức làm việc trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Nhà nước, từng bước xây dựng đội ngũ*

*công chức có nghiệp vụ thành thạo, xây dựng bộ máy quản lý Nhà nước vững mạnh;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức—cán bộ của Chính phủ,*

### NGHỊ ĐỊNH :

**Điều 1. — Nay quy định về công chức Nhà nước.**

Công dân Việt Nam được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ một công vụ thường xuyên trong một công sở của Nhà nước ở Trung ương hay địa phương; ở trong nước hay ngoài nước; đã được xếp vào một ngạch, hưởng lương do ngân sách Nhà nước cấp gọi là công chức Nhà nước.

**Điều 2. — Đối tượng và phạm vi áp dụng.**

#### 1. Thuộc phạm vi công chức.

a) Những người làm việc trong các cơ quan hành chính Nhà nước ở Trung ương, ở các tỉnh, huyện và cấp tương đương.

b) Những người làm việc trong các Đại sứ quán, Lãnh sự quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

c) Những người làm việc trong các trường học, bệnh viện, cơ quan nghiên cứu khoa học, cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của Nhà nước và nhận lương từ ngân sách.

d) Những nhân viên dân sự làm việc trong các cơ quan Bộ Quốc phòng.

e) Những người được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ một công vụ thường xuyên trong bộ máy của các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát các cấp.

g) Những người được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ một công vụ thường xuyên

trong bộ máy của Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Nhân dân các cấp.

Những trường hợp riêng biệt khác do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quy định.

#### 2. Không thuộc phạm vi công chức.

a) Các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp.

b) Những người giữ các chức vụ trong các hệ thống lập pháp, hành pháp, tư pháp, được Quốc hội hoặc Hội đồng Nhân dân các cấp bầu ra hoặc cử ra theo nhiệm kỳ.

c) Những hạ sĩ quan, sĩ quan tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, bộ đội biên phòng.

d) Những người làm việc theo chế độ tạm tuyển, hợp đồng và những người đang thời kỳ tập sự chưa được xếp vào ngạch.

e) Những người làm việc trong các tổ chức sản xuất, kinh doanh của Nhà nước.

g) Những người làm việc trong các cơ quan của Đảng và đoàn thể nhân dân (có quy chế riêng của Đảng và Đoàn thể nhân dân).

**Điều 3. — Bộ trưởng — Trưởng ban Ban Tổ chức — cán bộ của Chính phủ** có trách nhiệm xây dựng các quy chế về các loại công chức trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành.

**Điều 4. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương** chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Bãi bỏ các văn bản trước đây trái với các quy định trong Nghị định này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT